

**ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH  
TÙY SỚ DIỄN NGHĨA SAO**

**QUYỂN 81**

Sớ Câu: “Ba là hiển bày về chủng loại”: Văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Một: Biện minh tổng quát về sự sâu rộng.

Hai: Từ câu: “Nay từ chỗ rộng của hẹp” tiếp xuống: Là chính thức nêu rõ về chủng loại.

Ba: Từ câu: “Hữu dư, Vô dư” tiếp xuống: Là chính thức biện biệt, xác định.

Trong phần hai, nói: “Một là Hữu dư, Vô dư”: Là giải thích có nhiều nghĩa. Dựa nơi Tiểu thừa thì tự có hai nghĩa:

Thứ nhất: Hữu Tông nói: “Thể của Niết-bàn là một. Căn cứ nơi thời gian chẳng đồng nên có hai tên gọi.

Nói “Thể là một”: Theo như Tông ấy thì phiền não, nghiệp, dùng đạo lực để suy xét nên đáng dấy khởi cũng không dấy khởi. Trạch diệt Vô vi là Thể của Niết-bàn. Thể ấy là một, nhưng căn cứ nơi sự đối chiếu với Thân Trí được hai tên gọi. Thân Trí chưa diệt tận, gọi Niết-bàn trước là Hữu dư. Thân Trí tận diệt xong, hướng tới Niết-bàn trước là chuyển biến gọi là Vô dư. Chẳng phải là Thân Trí diệt tận gọi là Niết-bàn, do Thân Trí dấy khởi đã lùi diệt gọi là Vô thường. Hoặc do đoạn trừ Nhân khiến về sau không dấy khởi, thì chẳng phải là Trạch diệt nên chẳng phải là Niết-bàn.

Thứ hai: Dựa nơi Luận Thành Thật, thì Thể của Niết-bàn là hai. Nhân của sinh tử diệt tận gọi là Niết-bàn thứ nhất. Quả của sinh tử diệt tận gọi là Niết-bàn thứ hai.

Do trong Hữu Tông cho chính “đạo trực tiếp đoạn” mới gọi là Trạch diệt. Còn hai nghiệp của Thân, Khẩu cùng quả của sinh tử chẳng phải là “đạo trực tiếp đoạn” nên chẳng chọn lấy.

Luận Thành Thật nói do đoạn trừ phiền não nên các thứ còn lại không dấy khởi, là sự đoạn trừ của Kiến đạo, Tu đạo, nên cũng được

xem là Trạch diệt, do đấy gọi là Niết-bàn.

Nhưng đối chiếu với Đại thừa thì đều gọi là Hữu dư. Hữu dư nên biến dịch.

Nếu dựa nơi Đại thừa, theo Đại sư Tuệ Viễn thì có bốn cách giải thích riêng:

Một là: Nhân của hai Tử diệt tận gọi là Hữu dư. Quả của hai Tử diệt tận gọi là Vô dư.

Hai là: Nhân quả của Phần đoạn diệt tận gọi là Hữu dư. Nhân quả của biến dịch diệt tận thì gọi là Vô dư.

Ba là: Nhân quả của Phần đoạn cùng Nhân của Biến dịch diệt tận gọi là Hữu dư, quả của Biến dịch diệt tận thì gọi là Vô dư.

Bốn là: Chỉ căn cứ nơi Nhân quả của Biến dịch làm hai. Còn Nhân quả của phần đoạn là thuộc nơi Tiểu thừa.

Nếu dựa nơi kinh Kim Quang Minh, căn cứ nơi ba Thân để nói. Nơi phẩm ba Thân, kinh viết: “Thiện nam! Dựa nơi hai Thân ấy, tất cả chư Phật gọi là Niết-bàn Hữu dư, dựa nơi Pháp thân gọi là Niết-bàn Vô dư. Vì sao? Vì tất cả diệt tận hoàn toàn, trọn vẹn. Cho nên dựa vào ba Thân ấy hết thảy chư Phật gọi là Niết-bàn vô trụ. Vì sao? Vì hai Thân nên chẳng trụ nơi Niết-bàn. Là nơi Pháp thân thì không có Phật riêng, do đâu chẳng trụ nơi Niết-bàn? Vì hai Thân là giả danh, chẳng thật, niệm niệm sanh diệt chẳng dừng, nên luôn luôn xuất hiện do chẳng định. Pháp thân thì chẳng thế. Do đó, hai Thân nên chẳng trụ nơi Niết-bàn. Pháp thân thì chẳng hai, nên chẳng trụ nơi sinh tử. Dựa vào ba Thân nên gọi là Niết-bàn Vô trụ.

Căn cứ nơi văn của kinh dẫn trên thì Pháp thân tức là Thân Tự Thọ dụng, thường ở nơi cõi Phật Mật Nghiêm.

“Tất cả các thứ còn lại đều diệt tận” là phiền não, tập khí của chánh báo, Phần đoạn, Biến dịch đều diệt tận, Đại sư Tăng Triệu viết: “Sinh gọi là Hữu dư, Diệt gọi là Vô dư”. Cũng tức là ý ở đây, phần Sở giải tiếp theo xử dụng giải thích này. Nếu dựa theo Duy Thức thì nói.

Một: Niết-bàn Hữu dư y. Tức nơi Chân như xuất sinh phiền não chướng. Tuy có chỗ nương tựa của khổ nhỏ chưa diệt, mà chướng ngại thì vĩnh viễn vắng bật, nên gọi là Niết-bàn.

Hai: Niết-bàn Vô dư y. Tức Chân như ra ngoài khổ về sinh tử. Phiền não giờ đã diệt tận. Chỗ dựa còn lại cũng diệt. Mọi thứ khổ đã hoàn toàn vắng bật.

**Giải thích:** Đây là chung cho cả Đại, Tiểu thừa. Nhưng cho Chân như là Thể tức khác với Tiểu thừa.

Phần tiếp sau của Luận nhận định viết: Vì sao bậc Thiện Thệ có Hữu dư y? Là câu hỏi. Tuy là sự nương tựa không thật mà hiện bày giống như có. Chỗ dựa của Hoặc, Khổ diệt tận gọi là Vô dư y. Chẳng phải chỗ dựa của khổ còn, gọi là Hữu dư y, do vậy, đức Thế Tôn có thể nói là gồm đủ bốn loại:

**Giải thích:** Phần giải đáp có hai ý: Thứ nhất Là biện minh, chỉ rõ chỗ có đồng nơi hai Thừa. Thứ hai dùng Uẩn Vô lậu làm Hữu dư y nên nói: “Chẳng phải là chỗ dựa của khổ còn...”.

Sớ câu: “Hai là Tánh tịnh, Phương tiện tịnh”: Cũng gọi là hai đức. Cũng gọi là hai Tịch tĩnh. Cũng gọi là đồng tướng, chẳng đồng tướng. Điều như nơi địa thứ nhất đã chỉ rõ, trong phần nói về “Phân tề” đã biện giải. Tánh vốn thanh tịnh nên theo nhân nơi chốn của phương tiện để hiển bày, tạo tác dụng khéo léo, cũng là diệu dụng của Thế. Phần còn lại như nơi chương riêng đã nêu.

Sớ câu: “Hai tức là Chân, Ứng của Tự tánh”: Ở trên là nên rõ về Chân thân, Ứng thân. Tự Tánh kết hợp cả hai Phật ấy căn cứ nơi Tịnh. Nay chia ra nên Tự Tánh chung cho Tịnh, Nhiễm.

Sớ câu: “Hoặc phân làm bốn”: Tức Nơi Luận Duy Thức. Luận viết:

Một là: Niết-bàn Tự Tánh xưa nay thanh tịnh. Nghĩa là Chân như của tất cả các pháp, lý tuy có khách trần mà bản tánh thanh tịnh, gồm đủ vô lượng công đức vi diệu, không sinh, không diệt, trong lặng như Hư không. Hết thấy chúng sanh bình đẳng cùng có, cùng với tất cả các pháp chẳng một chẳng khác, lìa mọi hình tướng, mọi thứ phân biệt. Nẻo suy xét đều dứt, đường ngôn từ đều diệt. Chỉ có bậc Thánh chân thật tự tâm chứng đắc. Tánh ấy vốn tịch tĩnh, nên gọi là Niết-bàn.

Hai là Hữu dư y.

Ba là Vô dư y. Điều nêu đủ như trên đã nói.

Bốn là Niết-bàn Vô trụ xứ. Tức nơi Chân như ra ngoài Sở Tri chướng, đại bi, trí tuệ là chỗ dựa phụ trợ, do đấy chẳng trụ nơi sinh tử, Niết-bàn, mà tạo mọi lợi lạc cho chúng sinh đến tận cùng đời vị lai. Diệu dụng mà luôn tịch tĩnh, nên gọi là Niết-bàn. Tất cả chúng sinh đều có loại thứ nhất. Hàng nhị Thừa Vô học dung hợp có ba thứ trước. Chỉ mỗi Như Lai Thế Tôn riêng nói là gồm đủ bốn thứ. Phần Sớ giải sau, văn tóm kết đã dùng bốn thứ ấy.

Sớ từ câu: “Hữu dư và Vô dư” tiếp xuống: Là phần ba, nhận định phân biệt về Tướng chung.

Câu: “Chẳng phải là riêng nơi ứng thân diệt” là phân biệt cảnh

giải thích khác.

Sớ câu: “Bốn là làm rõ về Nghiệp dụng”:

Văn nơi phần Sớ giải gồm bốn:

Một: Chính thức biện minh. Cũng tức văn nơi “Luận Niết-bàn Vô danh” của đại sư Tăng Triệu, đoạn diễn tả thứ mười: Bàn về sự chứng đắc mâu nhiệm. Luận viết: “Nên Thể Tánh của Niết-bàn rộng lớn mênh mông, bao gồm xưa nay, dẫn dắt muôn loài, giáp hóa chúng sinh khắp chốn. Tuy xa mà không thiếu sót, đâu có gì chẳng do đây mà được ư! Cho nên Phạm Chí nói: “Tôi nghe đạo Phật thật là sâu rộng mênh mông không bờ nhưng chẳng có việc gì không thành tựu, chẳng gì ngoài mục đích cứu độ chúng sinh” ... Thế thì con đường của ba Thừa được mở rộng, nẻo đi của Chân giả được biện minh, đạo của bậc Hiền Thánh thường còn, diệu nghĩa của Vô danh được hiển bày”.

**Giải thích:** Phần sau của đoạn diễn tả kia tán tán về Vô danh, nên phần Sớ giải đã lược, không dẫn.

Hai: Từ câu: “Nên kinh Niết-bàn viết” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Tức nơi phần Sớ giải trước đã dẫn.

Ba: Từ câu: “Tức Xuất hiện” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về sự sâu rộng.

Nay do Xuất hiện là môn chung, tức Niết-bàn chính là một đức trong ấy. Nếu Niết-bàn là Môn thì chín môn Xuất hiện đều từ Niết-bàn mà xuất sinh.

Bốn: Từ câu: “Nhưng các môn” tiếp xuống: Là chỉ rõ chỗ diễn rộng ở phần còn lại. Đã thấu tóm các phần vi diệu nên viết: “Tóm lược đủ nơi văn”.

Sớ câu: “Nay nói về phần một: Tự tánh căn bản”: ba Hành ấy phần Sớ giải đã nêu nơi mục dẫn ra một, hai, ba, bốn thứ Niết-bàn. Suy xét thì có thể thấy.

Sớ câu: “Hai là chỉ rõ Lý đồng với Sự”: Sự tức là Niết-bàn của Ứng, Chân. Phần này gồm ba:

Một: Giải thích tóm lược về văn của Kinh.

Hai: Từ câu: “Chân, Ứng không gốc” tiếp xuống: Là hiển bày chung về ý của văn.

Ba: Từ câu: “Sở dĩ nêu ra mười tên gọi” tiếp xuống: Là giải thích về nguyên do nêu ra.

Trong phần hai gồm hai chi tiết:

Thứ nhất: Trở lại hiển bày Niết-bàn của Chân, Ứng.

Nếu không có Niết-bàn của Tự Tánh làm gốc, thì đều chẳng phải

là Bất sinh. Nhưng Niết-bàn của Chân là do Tánh tịnh, hiển bày chỗ cùng thuận là bất sinh, mà Niết-bàn của Ứng thân đều có nghĩa sinh diệt. Nay nói riêng về Ứng thì không có Tánh tịnh sao được gọi là bất sinh?

Thứ hai: Từ câu: “Nên dùng gốc” tiếp xuống: Là hiển bày thuận theo việc dùng gốc của Tánh tịnh để thấu gồm ngọn của Chân Ứng. Chân, Ứng đối chiếu với Tánh tịnh nên gọi là ngọn. Chân với Tánh Tịnh, cả hai đều là Thể, bao quát cả dụng của Ứng Hóa, đều là ba đức nơi Niết-bàn Vô trụ.

Trong phần ba giải thích về nguyên do nêu ra mười, nói: “diệu đạo rốt ráo”: Tức văn nơi “Luận Niết-bàn Vô danh”, trong đoạn “Văn nạn về sai biệt”.

**Luận viết:** “Hữu danh nêu: Nếu Niết-bàn đã dứt tuyệt nẻo suy lường thì siêu việt đối với sáu Căn, sáu Trần, chẳng ra ngoài, chẳng ở trong, mà đạo Huyền diệu riêng tồn tại. Thế thì cái đạo cứu cánh Lý cùng, Tánh tận, mẫu nhiệm hợp nhất, không sai biệt là lẽ dĩ nhiên...”. Nay chỉ chọn lấy ý để nêu dẫn.

Sớ từ câu: “Nên biết đạo vi diệu” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về nghĩa chính.

Nói “diệu ngộ”: Tức là chủ thể khế hợp. Là do chủ thể khế hợp tức Chân mới thành tựu được đối tượng khế hợp ấy. Tức Chân tức là Tánh Tịnh. Tức Vọng tức Chân, thì Sinh, là Vô sinh. Há chẳng phải là quán về bình đẳng? quán về bình đẳng một vị thì chủ thể, đối tượng cả hai cùng vắng bật. Vì thế toàn bộ Chân tánh dùng làm Thể của Ngã. Chân đã như nhiên, vì thế biết nơi Song lâm ứng hiện diệt độ, chẳng phải là diệt, do thường trụ.

Nói: “Không diệt”: Là vốn vắng lặng. Nhưng ở đây cũng tức là văn trong đoạn diễn tả: “Diệu đạo thường còn” (Luận Niết-bàn Vô danh). Nơi phần bàn về Ý nghiệp ở trên đã nêu dẫn. Nay lại dùng riêng về hai câu. Tức văn nơi Luận viết: “Trời đất với ta cùng một gốc. Muôn vật với ta cùng một Thể”. Ở đây, do thuận theo văn của Kinh, nên dùng Chân như v.v... (thay cho Trời đất, Muôn vật) là gốc của Niết-bàn.

Sớ câu: “Niết-bàn chẳng không, tức là có sắc thiện”: Đại sư Tuệ Viễn đã dẫn câu này để chứng minh Sắc là Thể. Nay cũng một nghĩa. Thân thường trụ, Pháp thân, Tòa tháp Chiên đàn, nghĩa của đoạn kinh Lăng Già, phần trước đã nêu dẫn.

Sớ câu: “Diệu sắc an nhiên”: Kinh Nê Hoàn gồm sáu quyển nói đến việc Thuần đà tán dương Phật:

*“Diệu sắc trạm nhiên thường an ổn  
 Chẳng bị hoàn cảnh, kiếp số chuyển  
 Đại Thánh nhiều kiếp hành từ bi  
 Đạt được Thể Kim cương chẳng hoại”.*

Phần còn lại có thể nhận biết.

Sớ câu: “Thứ ba, đến câu: Xuất hiện, ẩn giấu luôn trạm nhiên (tự tại, hiển nhiên)”: Do văn của Kinh nơi đoạn này gồm hai: Một là nêu rõ dấu vết của sự Hiện, Ẩn. Hai là: Từ câu: “Mà thật Như Lai” tiếp xuống: Là nêu rõ về gốc của sự luôn trạm nhiên, phần Sớ giải gồm năm:

Một: Xác lập Lý.

Hai: Từ câu: “Không gì là không làm” tiếp xuống: Là dung hợp trực tiếp về văn.

Ba: Từ câu: “Chẳng ngăn ngại Hiện, Ẩn” tiếp xuống: Là lặp lại phần Sớ giải để hiển bày ý.

Bốn: Từ câu: “Là biết vắng lặng chẳng động: Tiếp xuống: Là tóm kết để xác nhận nghĩa cùng dung thông. Câu trên là Thể chẳng ngăn ngại dụng. Câu dưới là dụng không ngăn ngại Thể.

Năm: Từ câu: “Há có thể tùy theo” tiếp xuống: Là tóm kết, phê phán chỗ mê lầm của Tình.

Tuy nhiên, nơi năm đoạn này đa phần dùng văn nơi đoạn diễn tả thứ ba: “Nêu rõ về Thể” (Luận Niết-bàn Vô Danh). Luận viết: “Phàm Tên gọi là do ứng hợp với cơ duyên mà tạo ra. Hiển bày dấu vết là sinh. Ngưng nghỉ sự tích là diệt. Sinh gọi là Hữu dư. Diệt gọi là Vô dư. Vậy thì tên gọi của Hữu Vô, gốc là không có tên gọi, nên cái đạo Vô danh thì chỗ nào mà chẳng phải danh? Cho nên bậc chí nhân ở nơi Vuông thì Vuông dừng ở tròn thì tròn, ở nơi Trời thì trời, nơi người thì người. Người có các gốc với khả năng tạo như trời, như người, thì há là chỗ Trời, người có thể kịp! Quả do chẳng phải Trời chẳng phải người nên có khả năng tạo ra như trời như người, đó là chủ thể sửa trị. Vì vậy, là ứng khắp mà chẳng là làm, là nhân tố mà chẳng thiết lập, nên là thiết lập chẳng gì rộng bằng ứng khắp mà không là làm nên chẳng làm nào lớn bằng. Là lớn chẳng gì bằng, nên trở lại thành tựu cái nhỏ. Là thiết lập chẳng gì rộng bằng nên bèn trở về cái không có tên gọi. Lại tiếp nói: Ý cho là bậc chí nhân tịch diệt, rỗng lặng, không có dấu vết, ẩn hiện cùng một nguồn gốc. Còn chẳng gọi là có, mất chẳng bảo là không. Vì sao? Đức Phật nói: “Ta không sinh chẳng sinh. Tuy sinh mà chẳng sinh. Không hình, chẳng hình, dù hiện hình tướng mà chẳng thấy hình tướng”, nên biết tồn tại mà chẳng cho là có Kinh nói: Bồ-tát nhập tam

muội Vô tận gặp các Phật diệt độ ở quá khứ. “Lại kinh nói: Nhập ở Niết-bàn mà không là Niết-bàn do biết mất chẳng là không, mất chẳng là không, nên tuy không mà là có. Tồn tại chẳng là có, nên tuy có mà là không. Tuy có mà là không đó tức gọi là chẳng phải có. Tuy không mà là có đó tức gọi là chẳng phải không. Vậy thì cái đạo của Niết-bàn quả thực là vượt ra ngoài lãnh vực có không, dứt hẳn nẻo chuyển dịch của ngôn ngữ hình tượng... Cho nên Tử Nãi nói: Thánh nhân lo về cái có ở thân nên diệt trừ cái có ở thân, trở về không. Trí thức vất vả, siêng năng chẳng gì ở cái có là trước tiên nên dứt tuyệt trí để chìm vào cái hư vô. Đó gọi là trái với lý tốt cùng của thân, thương tổn ý chỉ huyền diệu”.

Một đoạn văn của Luận được dẫn trên nghĩa lý liên hoàn, chỉ xem qua phần nêu dẫn tự thấy ý của phần Sở giải. Về chỗ tóm kết, phê phán, văn cũng thuộc chương ấy. Phần cuối viết: “Mà kẻ mê lầm ở nơi cảnh giới của thấy nghe, tìm kiếm dấu vết của khác biệt của ứng hợp chấp theo đó là vuông, là tròn mà toan tính cho là phương pháp lớn. Lại muốn cho rằng bậc chí nhân nhọc sức về trí, đại Thánh lo lắng về hình tượng là bỏ Có vào Không, nhân đấy mà đặt tên. Há đó là biểu thị cho việc nghe lời vi diệu, là nhắc lên gốc rễ nhiệm mầu ở cây mục nát ư?”

Sớ câu: “Sau là kết hợp. Nhưng Pháp thân là không hình tượng”:  
Văn nơi phần Sở giải gồm ba:

Một: Chính thức giải thích.

Hai: Dẫn chứng.

Ba: Phân biệt, định rõ.

Nay nói về phần một: Cũng có ý sau của chương trước. Phần tiếp sau nơi Luận viết: (Luận Niết-bàn Vô Danh): “Kinh nói: Pháp thân không hình tượng, ứng cơ mà hiện hình. Bát-nhã vô tri, đối duyên mà soi chiếu. Muôn căn cơ ứng phó tức thời mà chẳng rối loạn, ở khó khăn vẫn đối diện mà chẳng lo lắng. Động như mây bay. Tĩnh như cốc thân, đâu có Tâm nơi đây, kia Tĩnh vương bận nơi động tĩnh? Đã vô tâm nơi động tĩnh thì cũng không có hình tướng nơi đến đi. Vì đến đi không dùng hình tượng nên không vật nào mà chẳng hiện hình. Vì động tĩnh chẳng do Tâm, nên chẳng có cảm thông nào mà không ứng hợp. Vậy thì tâm sinh ra ở tâm Có, hình tượng xuất sinh ở hình tượng có. Hình tượng đã chẳng phải Ngã mà ra, nên vàng đá chảy ra mà chẳng là đốt cháy. Tâm chẳng phải Ngã sinh ra, nên Dụng mà chẳng động. Nhận nhịp từ chỗ kia mà ở Ngã có làm gì? Vì thế, trí khắp muôn vật mà chẳng nhọc, hình đầy bát cực mà không lo, tạng không thể đầy, giác không thể thiếu. Đâu thể lại còn bệnh ở giữa đường, thọ hết ở Song lâm, linh thần cạn ở

Thiên quan, Thế dứt nơi hỏa táng vậy ư!

Sớ từ câu: “Nên Nhiếp Luận” tiếp xuống: Là phần hai, dẫn chứng gồm hai:

Thứ nhất: Nêu dẫn Luận.

Thứ hai: Từ câu: “Là do kinh nói”: Tiếp xuống: Là kết hợp để giải thích văn của Kinh. Luận nói: Tụng này là chỉ rõ sự hiển hiện rất sâu xa của Phật. Ở thí dụ có thể biết. Kết hợp giải thích, luận nói: Vì trong tâm chúng sinh không có nước Định, suối trong của Xa ma tha, nên hình ảnh Phật không hiện, đó không phải là lỗi của Như Lai. Như nói Như Lai là tạo nhiệm mầu chân thật, tức hình ảnh vô lậu có cảm ứng ở đây, do chúng sinh đời hiện tại mắt mù không thấy.

Giải thích phần nữa Tụng dưới, luận nói: Pháp Phật như mặt trời phóng ra Ánh sáng khế kinh v.v... chiếu soi khắp thế gian hữu tình. Có duyên với giáo pháp, thì Ánh sáng hiện rõ đây. Như mặt trời xuất ra Ánh sáng mà người mù không thể thấy.

Sớ từ câu: “Nhưng trong đây: Tiếp xuống: Là phần ba, phân biệt định rõ. Cũng là lần lượt thông tỏ chỗ vướng mắc. Phần này gồm ba:

Thứ nhất: Chính thức phân biệt, định rõ. Tức e có vấn nạn: “Nay nói về Pháp thân, vì sao gọi là Niết-bàn? Phần giải thích ý nói: Niết-bàn ắt gồm đủ ba đức. Đây tức là Pháp thân. Hai đức còn lại đều từ Pháp thân lưu xuất nên tức là Pháp thân.

Thứ hai: Từ câu: “Như thế thì” tiếp xuống: Là đối chiếu với Thân trước để phân biệt. Gồm hai chi tiết:

Một là: Nêu câu hỏi.

Hai là: Từ câu: “Thân xuất hiện” tiếp xuống: Là giải đáp.

Thứ ba: Từ câu: “đây có Bát-nhã” tiếp xuống: Là đối chiếu với Bồ đề để phân biệt, do Giải thoát không lẫn lộn nên không phân biệt. Phần này gồm hai chi tiết:

Một là: Nêu câu hỏi.

Hai là: Từ câu: “Nếu phân tướng” tiếp xuống: Là giải thích. Gồm hai:

Một: Nêu rõ về phân Tướng. Tức ý của Luận Duy Thức.

Luận duy Thức quyển thứ mười giải thích về Quả chuyển y, viết:

“Bốn là Sở chuyển đắc. Đây lại có hai: Một là sở hiển đắc. Tức là đại Niết-bàn. Ở đây tuy tự tánh xưa nay thanh tịnh nhưng có chướng ngại của khách trần che phủ khiến chẳng hiển bày, đạo của Chân Thánh phát sinh đoạn trừ chướng ngại ấy, khiến tướng kia hiển hiện, gọi là



“Đắc Niết-bàn”, đây là dựa nơi Chân Như lia chướng ngại mà nêu bày, nên Thể tức là Pháp giới thanh tịnh.

Hai: Là Sở sinh đắc. Tức là đại Bồ đề, đây tuy xưa nay có khả năng sinh ra chủng tử nhưng bị Sở tri chướng ngại nên chẳng thể sinh, do diệu lực của đạo Chân Thánh diệt trừ chướng ngại kia, nên khiến từ chủng tử đấy khởi, gọi là “Đắc Bồ đề”. Sự đấy khởi do đấy được nối tiếp đến tận cùng đời vị lai”.

Đây tức là bốn Trí tương ứng với phần Tâm. Pháp sư Đại thừa (Khuy Cơ) nói: “Lý ngưng tụ vốn có, lia trói buộc mà gọi là Niết-bàn. Trí soi chiếu mới sinh quả viên mãn mà gọi là Chánh giác. Cho nên cội nguồn lớn của bốn đức là gốc vi diệu của ba minh”.

Sở từ câu: “Nếu thâm tóm tướng mà nói” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm bốn:

Một: Căn cứ với Lý, Trí để cùng thâm tóm. Do lia Lý không có Trí, lia Trí không có Lý. Như Ánh sáng của viên ngọc, như viên ngọc của Ánh sáng. Cho nên Kinh Bát-nhã nói: “Giác ngộ Tự tánh của pháp, lia mọi phân biệt là Bồ đề”, tức có Lý. Trong Niết-bàn có đức Bát-nhã tức là Trí

Hai: Từ câu: “Tánh của Trí vốn có” tiếp xuống: Là Vốn có và Tu sinh đều thu tóm. Tức Tánh Tịnh chỉ gọi là Niết-bàn. Phương tiện tịnh mới là Bồ đề. Nay nêu rõ hai Tịnh cùng chung nơi hai pháp trên. Hiện tại Sở giải chỉ hiển bày về chỗ riêng kia không có, cho nên ở nơi Bồ đề nói Tánh tịnh v.v...

Ở trên nói Bồ đề như Hư không nên thế giới thành hoại, Bồ đề cũng không tăng giảm. Kinh Niết-bàn nói: “Người tu tập hai từ thường trụ, làm tướng diệt. Ta đối với họ làm Bát Niết-bàn. Trong đó tuyên nói gốc ẩn nay hiển hiện Pháp thường hằng gọi là Thường. Theo phương tiện tu sinh, báo thường gọi là Trụ. Tu tập hai từ ấy là Tướng tịch diệt của đại Niết-bàn. Đại Bát Niết-bàn cũng còn hiển bày về Tâm, Phật chứng đắc tâm ấy là Bát Niết-bàn. Cho nên biết đều gồm đủ Phương tiện tịnh và Tánh tịnh.

Ba: Từ câu: “Tuỳ theo một làm môn” tiếp xuống: Là cùng tóm kết về hai phần trước.

Bốn: Từ câu: “Nay dùng Niết-bàn để thâm tóm” tiếp xuống: Là tóm kết quy về Niết-bàn.

Sở Câu: “Thứ năm, thị hiện diệt độ nên diệu đạo luôn tồn tại”: diệt độ đã là thị hiện diệt tức là không diệt, nên diệu đạo luôn còn. Câu: “Diệu đạo thường còn” là nơi “luận Niết-bàn Vô danh”, đoạn diễn tả

về “diệu đạo thường còn”, Luận viết: “Thánh nhân ở nơi có mà chẳng có. Trụ nơi không mà chẳng không. Trụ nơi không mà chẳng không nên chẳng kẹt với không. Ở nơi có mà chẳng có nên chẳng chấp với có. Như thế có thể chẳng ra ngoài có không, cũng chẳng ở trong có không. tịch tĩnh như nhiên, không dấu vết, đây chính là diệu đạo thường còn”. Nhưng hiện bày ẩn giấu luôn trong lặng là gồm luôn việc biện minh về xuất hiện. Nay chỉ nói về không diệt nên chẳng đồng.

Sớ câu: “Thứ sáu, cho đến câu: Tùy theo duyên khởi, dứt”: Nơi phần kết hợp gồm bốn:

Một: Chính thức giải thích văn. Dẫn Kinh Pháp Hoa, là do trong Kinh Pháp Hoa, các sư đã giải thích khác nhau. Nay đem câu văn ấy để xác định về nghĩa kia.

Hai: Từ câu: “Nhưng hiện bày diệt, sanh” tiếp xuống: Là làm sáng tỏ về ý chính. Biện minh sinh, diệt đều là Niết-bàn.

Ba: Từ câu: “Nên Nhiếp Luận” tiếp xuống: Là dẫn chứng.

Bốn: Từ câu: “Đã cho khởi, diệt ở nơi duyên”: Là tóm kết, xác nhận tính chất thường trụ. Cũng là nghĩa trong đoạn diễn tả: “Xét về Thể” nơi Luận Niết-bàn Vô danh, phần thứ tư đã dẫn.

Sớ câu: “Thứ bảy là còn mất cùng hiện”: Y nói tùy theo chỗ nhận biết nơi căn cơ.

Sớ câu: “Thứ tám... Dụng lớn không bến bờ”: Văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Giải thích văn.

Hai: Phân biệt chỗ khác nhau.

Nay nói về phần một: Tức cũng văn nơi Luận Niết-bàn Vô danh. Đoạn thứ mười lăm: “Bàn về động, tịch là một”. Luận viết: “Bậc Thánh nhân không tạo tác mà không đối tượng nào là không tác động. Không tạo tác nên tuy động mà luôn vắng lặng. Không đối tượng nào không tác động nên tuy vắng lặng mà luôn động. Tuy vắng lặng mà luôn động nên Tâm và Cảnh chẳng thể là một. Dù động mà luôn vắng lặng nên Tâm và Cảnh chẳng thể thành hai. Tâm - Cảnh chẳng thể thành hai nên càng động càng vắng lặng. Tâm - Cảnh chẳng thể là một nên càng vắng lặng thì càng động, do vậy, tạo tác tức không tạo tác, động, vắng lặng tuy khác nhau mà chẳng thể cho là khác được”.

Sớ câu: “Kinh đại Bát Niết-bàn nêu việc thọ nhận sự cúng dường của Thuần đà”: Tức nêu lên chỗ đồng để phân biệt về chỗ khác. Kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ mười, Phẩm Đại chúng nêu câu hỏi, viết: “Bấy giờ, tất cả các đại Bồ-tát, các chúng Trời, Người v.v... Đều cùng

nhau nói lớn: Thật kỳ diệu! Thuần đà đã thành tựu được phước đức lớn, nên có thể khiến cho đức Như Lai thọ nhận sự cúng dường sau cùng, không gì hơn. Còn số đông chúng ta thì không có được phước đức như thế, nên mọi sự bày biện các vật dụng để cúng dường quả là uổng công! Lúc này, đức Thế Tôn, vì muốn khiến cho hy vọng của tất cả đại chúng được viên mãn, nên nơi mỗi mỗi lỗ chân lông trên tự Thân đều hóa ra vô lượng Phật. Mỗi mỗi chư Phật đều có vô lượng các vị Tỳ kheo Tăng. Chư vị Thế Tôn ấy cùng vô lượng chúng Tăng thấy đều hiện thân thọ nhận sự cúng dường kia. Còn đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai thì thọ nhận chỗ hiến cúng của Thuần đà... Bấy giờ, Thuần Đà thấy sự việc diễn ra như thế, nên hết sức vui mừng. Tất cả đại chúng cũng lại như vậy”.

Sớ câu: “Thứ chín, đến câu: Thế lia hai Biên”: Cũng là ý trong đoạn diễn tả “Siêu việt mọi Cảnh” nơi “Luận Niết-bàn Vô danh”. Nhưng nay chỉ nói: “Thế lia hai Biên” tức chẳng phải chỉ là lia Có lia Không mà như là thật hoặc hư, hoặc xứ chẳng phải xứ v.v... Đều là hai Biên.

Văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Giải thích theo hướng ngược: Thân là Thế nên biện minh trước.

Hai: Từ câu: “Do chẳng phải là Thật” tiếp xuống: Là giải thích theo hướng thuận.

Sớ câu: “Thứ mười, đến câu: Tóm kết quy về Vô trụ”: Là tóm kết về chín môn trên, đều quy về Niết-bàn Vô trụ. Gồm hai:

Một: Giải thích văn của Kinh.

Hai: Tóm kết để quy về Vô trụ.

Nay nói về phần một: Tức là tóm kết nghĩa của phần trước. Nói: “Riêng ai chẳng phải Niết-bàn mà muốn xả bỏ chẳng?”: Tức dùng một phần văn trong đoạn “Bàn về sự chứng đắc nhiệm mầu” (Luận Niết-bàn Vô danh). Luận ấy, do phần chín là “Xét về sự chứng đắc”, Hữu danh nên vấn nạn: “Kinh nói: Tánh của chúng sinh, tận cùng là ở nơi năm Ấm. Lại nói: Chứng đắc Niết-bàn thì năm Ấm đều diệt tận, ví như ngọn đèn tắt v.v... “Phần sau tóm kết ý nói: “Nếu Niết-bàn có thể chứng đắc thì năm Ấm chẳng đều diệt tận. Năm Ấm nếu cùng diệt tận thì ai chứng đắc Niết-bàn?”.

Phần “Bàn về sự chứng đắc nhiệm mầu” đáp lại, viết:

“Vả chẳng, theo sự lập luận, trước phải xác định nơi gốc. Nay đã luận về Niết-bàn thì chẳng thể lia Niết-bàn mà nói Niết-bàn. Nhưng nếu ngay nơi Niết-bàn mà dấy khởi sự bàn luận thì đâu còn riêng ai

chẳng là Niết-bàn mà muốn đạt được?” Ý cho rằng: “Chúng sinh tức là Niết-bàn”.

Từ câu: “Lại chẳng thể đạt đến được” tiếp xuống: Là dẫn kinh Tịnh Danh: “Chúng sinh tức là Tướng của Niết-bàn”. Ở đây biện minh về một Thể nên nói “Không thể đạt được”. Nay nói về một Thể nên nói “Không thể xả bỏ”. Chúng sinh tức Niết-bàn. Nếu xả bỏ chúng sinh tức là xả bỏ Niết-bàn.

Sớ từ câu: “Thế thì, thứ nhất, trụ nơi Thật tế” tiếp xuống: Là phần hai tóm kết để quy về Vô trụ. Gồm bốn chi tiết:

Thứ nhất: Chính thức quy về Vô trụ. Niết-bàn Vô trụ trước đã nêu dẫn đủ.

Thứ hai: Từ câu: “Do cùng trụ” tiếp xuống: Là nêu ra nguyên do của Vô trụ. Trong kinh là Trụ. Nay chính là “Tóm kết để quy về Vô trụ”, Tức do nếu chẳng trụ nơi Thật tế thì đâu có thể chẳng trụ nơi sinh tử? Nếu chẳng an trụ nơi đại bi thì sao có thể chẳng trụ nơi Niết-bàn? Thế nên, cũng do đều chẳng trụ mà có thể đều trụ. Nay ở đây thuận theo văn nơi kinh là “Đều trụ”, tóm kết quy về Vô trụ, nên chỉ dùng Trụ để xác nhận Vô trụ.

Thứ ba: Từ câu: “Trước tức là đại trí” tiếp xuống: Là nêu riêng để xác nhận về nhân của Vô trụ. Tức văn của Luận Duy Thức.

Thứ tư: Từ câu: “Niết-bàn của tự tánh, chúng sinh cùng có” tiếp xuống: Là giải thích ý nghĩa của sự quy về Vô trụ.

“Niết-bàn có bốn, vì sao chỉ quy về Vô trụ? Vì Niết-bàn Vô trụ chỉ có Phật mới đạt được”. Điều là văn của Luận, như phần trên đã nêu dẫn đầy đủ.

Từ câu: “Tức an trụ nơi” tiếp xuống: Là văn của Kinh đại Bát Niết-bàn.

Sớ câu: “Câu thứ nhất là Sinh của Vô sinh”: Như tánh của Vô sinh là Vô sinh. Phật xuất hiện ở đời gọi là sinh. Câu tiếp sau theo đấy mà nhận biết. Câu sau, tất cả nghĩa đều thành nên là Dụng lớn. Ba câu trên là nói về Thể. Câu thứ tư là Dụng. Cho nên viết: “Phần còn lại chẳng tụng vì bao hàm trong ấy không ra ngoài Thể, Dụng.

Thứ mười là xuất hiện về kiến, văn (thấy, nghe):

Sớ câu: “Chẳng ra ngoài Trí, Đoạn, Ân: Tức ba câu đầu nêu về quả của ba đức: Câu đầu là Trí đức tức Bát-nhã viên mãn. Câu tiếp theo là Đoạn đức tức Giải thoát viên mãn. Câu ba là Ân đức tức Pháp thân rốt ráo.

Hai câu tiếp theo là xác nhận chung về ba đức nêu trên. Ba đức

đều có nguyện viên mãn đều chẳng hư dối.

Sáu câu sau là trở lại giải thích ba phần trên: Ba câu đầu giải thích “Giác Tuệ vô tận” ở trên. “Hữu vi chẳng tận cùng” thì ở đây thành Trí của sự. “Tuỳ thuận vô vi” thì ở đây sinh Trí của Lý. Hai nhân này viên mãn tức sinh Trí của Chư Phật, là Quả viên mãn. Hai câu tiếp theo giải thích “Đại bi trọn vẹn” ở trên. Ân đức tận cùng nơi đời vị lai, nên sự hành hóa của Chủng trí thành tựu, đạt được Pháp thân. Một câu sau giải thích “Đoạn đức đạt đến Phật địa” ở trên, không chướng ngại nào có thể làm cho gián đoạn, giải thoát khỏi mọi dụng công. Cho nên trong phần bàn về “Xuất hiện ý nghiệp” ở trên, đã nói: “Đạt được địa của Như Lai tức dứt tất cả dụng công”.

Sớ câu: “Luận Bảo Tánh cũng nêu rõ Như Lai làm cảnh giới, sáu căn cho Bồ-tát”: Luận có bốn quyển, đây là quyển thứ nhất. Là nói về sự thành tựu của tự lợi, lợi tha. Kệ viết:

*“Thân chư Phật, Như Lai  
Như Hư không vô tướng  
Vì các bậc Thắng Trí  
Tạo cảnh giới sáu căn  
Thị hiện sắc vi diệu Phát  
ra âm thanh diệu  
Khiến người hương Giới Phật  
Cùng vị pháp diệu Phật  
Nên rõ các Tam muội Khiến  
đạt pháp thâm diệu”.*

Sớ câu: “Cũng đồng với Kinh Pháp Hoa, cho đến đoạn nói “nhấc một tay...”: Tức nơi quyển thứ nhất, phần trước đã dẫn.

Sớ câu: “Kinh Như Lai Bí Mật Tạng nêu rõ việc chê mắng thuốc v.v...”: Kinh gọi đầy đủ là: “Kinh Đại Phương Quảng Như Lai Bí Mật Tạng”. Đây tức là quyển Hạ. Tôn giả Đại Ca Diếp hỏi: “Kính mong đức Thế Tôn giảng nói về Pháp Tạng bí mật của Như Lai. Phật bảo: Ca diếp, ý của Tôn giả thế nào, Tôn giả cho Như Lai lúc hành đạo Bồ-tát, chỗ xả bỏ về thân mạng cùng vợ con v.v... cho đến tất cả các thứ tài sản, hoặc chồn chồn có sự bức não đối với Bồ-tát, thì các chúng sinh ấy chẳng bị đọa nơi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, cùng các cõi ác. Vì sao? Vì bản hạnh khi hành đạo Bồ-tát, tâm ý luôn thanh tịnh, cùng thệ nguyện lớn tích tụ Giới tịnh; đối với các chúng sinh, Bồ-tát thực hiện tâm đại bi thuần nhất đến mức kiên cố, nhẫn chịu; thực hiện tâm đại từ nên đối các pháp cộng đức lớn, luôn bền bỉ gắng sức tinh tiến

hưởng đến Đại thừa, vì thế, tâm dừng nghỉ được thanh tịnh, nguyện lớn lợi ích khắp, chẳng vui với sự an lạc của bản thân. Cho nên, các chúng sinh tạo sự quấy nhiễu, hủy báng đối với Bồ-tát, nhưng do đức của Bồ-tát nên họ không bị đọa nơi các cõi ác. Tôn giả Ca diếp! Như Lai nay sẽ nêu ví dụ để biện minh về nghĩa này. Cũng như có người bệnh, được lương y cho thuốc mà người bệnh nầy chê, mắng thuốc cùng lương y. Trước thì cố chê nằng, nhưng sau đấy lại dùng thuốc ấy. Này Tôn giả Ca diếp, ý của Tôn giả thế nào. Thuốc ấy có do bị chê mắng mà chẳng còn là thuốc, bệnh chẳng được dứt trừ chẳng? Chẳng phải, thưa Thế Tôn. Tuy bị chê bai, mắng nhiếc, nhưng thuốc không hề mất công dụng trị bệnh. Như vậy, Ca diếp! Bồ-tát cũng như thuốc cùng vị lương y kia...” Lại nêu dẫn dụ về Viên ngọc báu lớn với uy lực lớn, dù có người hủy báng, chê mắng cũng không làm mất diệu lực của ngọc báu. Lại dẫn dụ về việc chê mắng ngọn đèn sáng, nhưng đèn được thấp lên là có thể diệt trừ tối tăm.

Nói: “Chê mắng, trầm hương”: Là nêu dẫn nghĩa. Kinh viết: “Chê mắng về xích chiên đàn, dùng tay đánh đập, đốt rồi bỏ đi, thế thì hiện có mùi hương gì? Tôn giả Ca diếp thưa: Là mùi hương Chiên đàn” Lại nói: Như có người cầm lấy phấn nhơ uế bỏ đi, dùng hương hoa cúng dường người ấy có mùi gì? Đáp: Có mùi ô uế Phật nói: Cúng dường ngoại đạo chỉ có thấy gặp, sợ hãi những nỗi sợ của cảnh định ngục, nga quý, súc sinh v.v...

Sớ câu: “Kinh đại Bát Niết-bàn nêu thí dụ dùng thuốc độc xoa lên mặt trống”: Tức nơi quyển thứ chín, phẩm Như lai Tánh. Nam bản cũng là quyển thứ chín, phẩm Bồ-tát. Kinh viết: “Ví như có người dùng thuốc độc pha trộn xoa lên mặt trống lớn, ở trong chỗ đông người, đánh trống phát ra âm thanh, những người nghe trống ấy, dù vô tâm, đều trúng thuốc độc mà chết, chỉ trừ một người không bị chết oan. Người không bị chết oan ấy tức là hạng Nhất xiển đề”.

**Giải thích:** Kinh ấy vẫn còn phân biệt về Xiển đề. Ở đây, ý dùng việc chẳng muốn nghe để dụ cho việc dù chẳng tin mà vẫn được lợi ích. Về Bồ-tát Thường Bất Khinh của Kinh Pháp Hoa có thể nhận biết.

Câu: “Nên tên của Bồ-tát khởi từ việc nghe hủy báng về Ánh sáng mặt trời.” Cũng tức nơi Kinh đại Bát Niết-bàn, quyển thứ chín, đáp lại câu hỏi: “Thế nào là chưa phát tâm mà gọi là Bồ-tát?” Phật nói: “Như Ánh sáng của mặt trời là hơn hết trong các thứ Ánh sáng, Ánh sáng của đại Bát Niết-bàn có thể chiếu vào các lỗ chân lông của chúng sinh tuy không có Tâm Bồ đề, nhưng có thể tạo nhân duyên Bồ đề cho họ”. Bồ-

tát Ca diếp hỏi: Vì sao chưa phát tâm mà tạo được nhân duyên cho Bồ đề?... Phần tiếp theo, Như Lai nêu dụ về người trong mộng thấy La Sát. Lúc đầu nghe chẳng tin, sau trong mộng thấy La sát bảo phải phát tâm Bồ đề: “Ông nếu chẳng phát tâm Bồ đề thì ta sẽ giết ông ngay!” Người ấy tỉnh dậy liền phát tâm. Hoặc ở nơi ba đường ác, nhớ nghĩ lại mà phát tâm Bồ đề. Cho nên biết người ấy là đại Bồ-tát, đại sư Đạo Sanh nói: “Tên của Bồ-tát khởi từ việc nghe hủy báng về Ánh sáng mặt trời”.

Sớ câu: “Há ngôn từ, hình tượng có thể đạt tới”: Tức ý trong sách Chu dịch, nên tóm lược. Sách viết: “Ngôn từ là dùng để giữ lấy hình tượng. Đạt được hình tượng mà quên ngôn từ. Hình tượng là để diễn đạt về ý nghĩa. Đạt được ý nghĩa mà quên đi hình tượng”. Nơi Hội thứ hai đã dẫn.

Sớ câu: “Tức Thứ cơ là ý nghĩa sâu xa của sự xuất hiện”:

Thứ Cơ (Chỉ cho khả năng trở thành người hữu dụng) là của xửa sách Chu Dịch, phần Hệ Từ Hạ. Sách viết: Người con của Họ Nhan - tức Nhan Hồi đã gần với Thức cơ. Nếu anh ấy có lỗi lầm gì thì biết ngay. Biết rồi thì không mắc lần thứ hai nữa!” (Nhan thị chi tử kỳ đãi thứ cơ. Hữu bất thiện vị thường bất tri. Tri nhi vị thường phục hành). Phần chú thích ghi: Chữ “Đãi” là gần.

Là gần. Thứ là Nhiều, đông. Cơ là chỗ ẩn giấu vi tế của vật khởi động. Tức Thánh nhân là Kiến cơ hiền nhân là Thứ cơ. Nay dốc khiến cho hàng hậu học tiếp cận con đường của Thánh Hiền.

Sớ câu: “Kinh Pháp Tập nói”: Kinh có sáu quyển. Đây là quyển thứ sáu, phần cuối. Kinh viết: “Thiện nam! Pháp môn ấy phần nhiều hành hóa ở thế giới của Long Vương Bà Gia La. Phần nhiều được hành hóa nơi trú xứ của Đế Thích. Phần nhiều được hành hóa nơi trú xứ của Long Vương A Na Bà Đạt Đa. Sau đấy, được hành hóa trong cõi Diêm Phù đề, thường hành hóa ở trong chúng sinh được chư Phật hộ niệm hành hóa, ở trong chúng sinh có tâm ngay thẳng, không tà vạy, đua nịnh, trong người có thể tin tưởng pháp thâm diệu, luôn ở nơi Tâm của các chúng sinh như thế để tạo sự hành hóa”.

Sớ câu: “Luận Bát-nhã viết: Lúc chánh pháp sắp bị diệt”: Tức là Luận Kim Cương Bát-nhã của Bồ-tát Vô Trước, quyển thượng, giải thích đoạn kinh: “Tu-Bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Như có chúng sinh được nghe giảng nói, câu văn, chương đoạn như vậy mà sinh tin tưởng thực sự chẳng? Phật bảo Tôn giả Tu Bồ đề: Tôn giả chớ nên nói như thế. Sau khi Như Lai diệt độ chừng năm trăm năm, có người trì giới, tu phước, đối với câu văn, chương đoạn này, có thể phát sinh Tâm tin

tướng, cho đầy là thật, thì nên biết người ấy, chẳng phải chỉ ở một nơi một đức Phật, hai đức Phật, ba, bốn, năm đức Phật gieo trồng thiện căn, mà đã ở nơi Vô lượng ngàn vạn chỗ Phật gieo trồng thiện căn”. Luận viết: “Vì nhằm có được chỗ giảng nói về trú xứ của Pháp thân, nên Kinh nói: “Lúc chánh pháp sắp diệt”. Tức là lúc sự tu hành dần diệt”. Cho nên biết như thế!

Sớ câu: “Nếu căn cứ nơi nẻo giáo pháp thì ba A-tăng-kỳ cũng chưa hội nhập chỗ Huyền diệu”: Tức ý nơi mười Huyền môn xưa. Nhưng trải qua ba A-tăng-kỳ, giả như chưa rốt ráo thì cũng đã đi vào quả vị, vì sao có thể nói là chưa hội nhập chỗ huyền diệu? Do đấy nên phần trên viết: “Nếu căn cứ nơi nẻo giáo pháp”. Nêu bày ba A-tăng-kỳ giáo pháp vẫn chưa được gọi là Chân, tức nghĩa thành tựu Phật cũng chẳng phải là Chân vì giáo pháp chẳng thật. Nếu căn cứ nơi nẻo chứng đắc, thì ba A-tăng-kỳ tu hành tức đã thực chứng. Tu về Quyền đã sâu xa tức hội nhập nơi nẻo thật.

Sớ câu: “Vô tánh với Nhiếp Luận v.v...”; Tức Luận Thích về Nhiếp Luận của Bồ-tát Vô tánh, quyển thứ sáu. Nếu là Bồ-tát Thế Thân giải thích thì: “Do đấy có thể khiến cho chủng tánh của Phật không bị đoạn tuyệt”.

Sớ câu: “Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa v.v...”: Tức đây là quyển thứ hai, giải thích về địa thứ nhất thường sinh nơi nhà của Như Lai. Văn viết: “Địa thứ nhất Tâm sinh tất có thể thường tích tập các thiện căn chẳng dừng nghỉ, nên gọi là luôn sinh nơi nhà của Như Lai. Nhà của Như Lai tức là Nhà của Phật”. Phần tiếp sau giải thích rộng về nghĩa của Như Lai, “Do Thật tướng của Niết-bàn, bốn đế, ba Không v.v... Đều gọi là Như. Trí Tuệ đạt đến bờ giác ngộ, nên gọi là Lai”. Phần kết nói: “Như Lai, gọi chư Phật trong mười phương. Nhà của chư Phật ấy gọi là Nhà của Như Lai”. Nay là Bồ-tát hành hóa theo con đường của Như Lai luôn nối tiếp, không gián đoạn, gọi là sinh nơi Nhà của Như Lai.

**Giải thích:** Gồm đủ đạo Như Lai tức là sự hành hóa của Phật.

-----